

Tờ hướng dẫn sử dụng

Acyclovir Boston 200

R THUỐC BÁN THEO ĐƠN

THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nén chứa:

Hoạt chất: Acyclovir 200 mg

Tá dược: Avicel, Copolyvidon, Natri starch glycolat, Aerosil, Magnesi stearat, Ethanol 96% vừa đủ 1 viên nén.

DƯỢC LỰC:

Acyclovir là một chất tương tự nucleosid, có tác dụng chọn lọc trên tế bào nhiễm virus Herpes.

Khi vào cơ thể, acyclovir được phosphoryl hóa để trở thành dạng có hoạt tính là acyclovir triphosphat. Chất chuyển hóa có hoạt tính acyclovir triphosphat có tác dụng ức chế tổng hợp ADN của virus và sự nhân lên của virus mà không ảnh hưởng gì đến sự chuyển hóa của tế bào bình thường.

Acyclovir có tác dụng mạnh nhất trên virus Herpes simplex typ 1 và kém hơn ở virus Herpes simplex typ 2, virus Varicella zoster.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Khả dụng sinh học theo đường uống của acyclovir khoảng 20% (15 - 30%), thức ăn không làm ảnh hưởng đến sự hấp thu của thuốc.

Acyclovir được phân bố rộng khắp trong dịch cơ thể, tỷ lệ liên kết với protein thấp (9 - 33%). Nồng độ đỉnh trong huyết thanh đạt được sau 1,5 - 2 giờ bằng đường uống và sau 1 giờ bằng đường tiêm tĩnh mạch.

Nửa đời sinh học của thuốc ở người lớn khoảng 3 giờ, ở trẻ em khoảng 2 - 3 giờ, ở trẻ sơ sinh khoảng 4 giờ. Một lượng nhỏ thuốc được chuyển hóa ở gan, còn phần lớn được thải trừ qua thận dưới dạng không biến đổi.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị khởi đầu và dự phòng tái nhiễm virus Herpes simplex typ 1 và 2 ở da và niêm mạc, viêm não Herpes simplex.

Điều trị nhiễm Herpes zoster (bệnh zona) cấp tính, zona mắt, viêm phổi do Herpes zoster ở người lớn.

Điều trị khởi đầu và phòng ngừa tái nhiễm Herpes sinh dục.

Điều trị thủy đậu xuất huyết, thủy đậu ở người suy giảm miễn dịch, thủy đậu ở trẻ sơ sinh.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Cách dùng:

Acyclovir BOSTON 200 được dùng bằng đường uống, không cần chú ý đến bữa ăn. Nên bắt đầu dùng thuốc càng sớm càng tốt khi có dấu hiệu và triệu chứng của bệnh.

Liều lượng:

Điều trị nhiễm Herpes simplex

Người lớn: 200 mg/lần x 5 lần/ngày, dùng cách nhau 4 giờ và dùng trong 5 - 10 ngày. Ở người suy giảm miễn dịch dùng liều 400 mg/lần x 5 lần/ngày, dùng cách nhau 4 giờ và dùng trong 5 - 10 ngày

Trẻ em trên 2 tuổi: dùng bằng liều người lớn.

Trẻ em dưới 2 tuổi: dùng một nửa liều người lớn.

Phòng ngừa tái phát Herpes simplex cho bệnh nhân suy giảm miễn dịch, người ghép cơ quan dùng thuốc giảm miễn dịch, người nhiễm HIV, người dùng hóa liệu pháp

Người lớn: 200 - 400 mg/lần x 4 lần/ngày, dùng cách nhau khoảng 6 giờ.

Trẻ em trên 2 tuổi: dùng bằng liều người lớn.

Trẻ em dưới 2 tuổi: dùng một nửa liều người lớn.

Điều trị thủy đậu và zona

Người lớn: 800 mg/lần x 5 lần/ngày, dùng cách nhau 4 giờ và dùng trong 7 ngày.

Trẻ em bệnh varicella: 20 mg/kg thể trọng/lần (tối đa 800 mg) x 4 lần/ngày,

dùng trong 5 ngày, hoặc có thể dùng theo liều:

+ Trẻ em dưới 2 tuổi: 200 mg/lần x 4 lần/ngày.

+ Trẻ em 2 - 5 tuổi: 400 mg/lần x 4 lần/ngày.

+ Trẻ em trên 6 tuổi: 800 mg/lần x 4 lần/ngày.

Người cao tuổi

Ở người cao tuổi, độ thanh thải toàn phần acyclovir của cơ thể giảm song song với độ thanh thải creatinin. Vì vậy phải lưu ý bổ sung nước cho bệnh nhân và phải điều chỉnh liều phù hợp cho bệnh nhân suy thận.

Người suy thận

Với bệnh nhân nhiễm Herpes simplex hoặc Varicella zoster, liều dùng như người bình thường song cần lưu ý:

+ Khi độ thanh thải creatinin từ 10 - 25 ml/phút: cách 8 giờ uống thuốc 1 lần.

+ Khi độ thanh thải creatinin dưới 10 ml/phút: cách 12 giờ uống thuốc 1 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với acyclovir hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

THẬN TRỌNG:

Với người suy giảm chức năng thận, phải điều chỉnh liều dùng theo độ thanh thải creatinin. Cần phải lưu ý dùng đủ nước và tránh dùng đồng thời với các thuốc độc với thận.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Dùng đồng thời zidovudin với acyclovir có thể gây trạng thái ngủ lịm và lơ mơ.

Probenecid ức chế cạnh tranh đào thải acyclovir qua ống thận, do đó làm tăng diện tích dưới đường cong và giảm độ thanh thải của acyclovir.

Amphotericin B và ketoconazol làm tăng hiệu lực chống virus của acyclovir.

Interferon làm tăng tác dụng chống virus in vitro của acyclovir.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Acyclovir đường uống khi dùng ngắn hạn có thể gây buồn nôn, nôn. Khi dùng dài hạn có thể gây buồn nôn, nôn, đau bụng, tiêu chảy, ban, nhức đầu (< 5% bệnh nhân).

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Phụ nữ có thai: Chỉ nên dùng acyclovir cho phụ nữ mang thai khi lợi ích điều trị hơn hẳn rủi ro có thể xảy ra với bào thai.

Phụ nữ cho con bú: Thuốc được bài tiết qua sữa mẹ khi dùng đường uống. Nên thận trọng khi dùng thuốc đối với phụ nữ cho con bú.

QUÁ LIỀU:

Triệu chứng: Có kết tủa trong ống thận (khi nồng độ trong ống thận vượt quá độ hòa tan 2,5 mg/ml hoặc khi creatinin huyết thanh cao), suy thận, trạng thái kích thích bốn chôn, run, co giật, đánh trống ngực, cao huyết áp, khó tiểu tiện.

Điều trị: Thẩm tách máu bệnh nhân cho đến khi chức năng thận phục hồi, ngừng thuốc, cho truyền nước và chất điện giải.

BẢO QUẢN: Nơi khô, dưới 25°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

ĐÓNG GÓI: Hộp 5 vỉ x 5 viên nén.

TIÊU CHUẨN: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM

THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ



Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Số 43, Đường số 8, VSIP, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 06503 769 606 FAX: 06503 769 601